



Số: 42/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dệt May 7

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt May 7, được lập ngày 04/03/2020, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

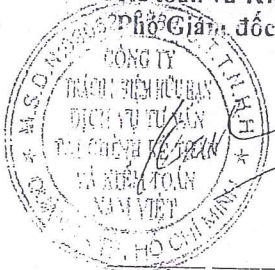
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt May 7 tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**



**Kiểm toán viên**

**Lê Hồng Đào**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2018-152-1

**Nguyễn Chí Thanh**  
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2819-2019-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>337.734.911.787</b>	<b>284.314.129.449</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	180.757.951.627	40.411.680.859
1. Tiền	111		30.757.951.627	35.411.680.859
2. Các khoản tương đương tiền	112		150.000.000.000	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.355.145.753	94.851.897.083
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	28.917.915.992	94.466.507.127
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	4.549.773.060	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	439.457.539	789.339.051
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2.552.000.838)	(403.949.095)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	122.447.345.497	145.658.848.880
1. Hàng tồn kho	141		132.701.309.762	145.658.848.880
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(10.253.964.265)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.174.468.910	3.391.702.627
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	-	23.519.998
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.166.228.414	3.368.182.629
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	8.240.496	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>91.860.735.500</b>	<b>123.680.871.240</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		88.795.530.671	114.761.299.582
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	88.795.530.671	114.761.299.582
- Nguyên giá	222		363.160.049.689	352.368.748.228
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(274.364.519.018)	(237.607.448.646)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		162.249.941	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	162.249.941	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.902.954.888	8.919.571.658
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	2.902.954.888	8.919.571.658
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>429.595.647.287</b>	<b>407.995.000.689</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

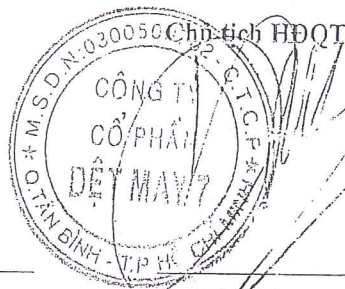
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	31/01/2019
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>214.182.335.419</b>	<b>207.626.485.749</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>214.182.335.419</b>	<b>207.626.485.749</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	60.774.098.946	63.944.743.390
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	111.340.883.907	106.023.484.879
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	4.442.405.589	4.152.705.261
4. Phải trả người lao động	314		23.815.004.056	20.242.526.012
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	-	493.692.589
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	3.603.878.746	3.981.301.137
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15	3.693.040.296	4.021.763.363
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		6.513.023.885	4.766.269.118
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>215.413.311.868</b>	<b>200.368.514.940</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.16	<b>215.413.311.868</b>	<b>200.368.514.940</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		154.111.000.000	154.111.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		154.111.000.000	154.111.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.158.300.355	6.115.779.818
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.144.011.513	40.141.735.122
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		43.144.011.513	40.141.735.122
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>429.595.647.287</b>	<b>407.995.000.689</b>

Người lập biên

Cao Thị Huyền

Kế toán trưởng

Lê Thị Thủy Vân



Lại Thị Bảy

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2020.